

Số: 25 /2014/QĐ-UBND

Nha Trang, ngày 09 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế về chế độ báo cáo, phối hợp cung cấp và kiểm tra thông tin, số liệu các dự án bất động sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh Bất động sản;

Căn cứ Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Thông tư số 11/2013/TT-BXD ngày 31/7/2013 của Bộ Xây dựng quy định chế độ báo cáo về tình hình triển khai đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án bất động sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 671/TTr-SXD ngày 08/4/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về chế độ báo cáo, phối hợp cung cấp và kiểm tra thông tin, số liệu các dự án bất động sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng,

Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Công thương; Ban quản lý Khu Kinh tế Vân Phong, Ban quản lý Khu du lịch bán đảo Cam Ranh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan; tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Nhu Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- T.T. Tỉnh ủy tỉnh;
- T.T. HĐND tỉnh;
- T.T. UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Liên đoàn Lao động tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa;
- Báo Khánh Hòa;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Vinh

QUY CHẾ

**Về chế độ báo cáo, phối hợp cung cấp và kiểm tra thông tin, số liệu
các dự án bất động sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2014/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 01 năm 2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định chế độ báo cáo, phối hợp cung cấp và kiểm tra thông tin, số liệu các dự án bất động sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Các dự án bất động sản theo quy định tại Quy chế này là các dự án bất động sản phải báo cáo theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 11/2013/TT-BXD ngày 31/7/2013 của Bộ Xây dựng. Cụ thể:

- a) Dự án phát triển nhà ở;
- b) Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới;
- c) Dự án tòa nhà chung cư hỗn hợp;
- d) Dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- đ) Dự án trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, khách sạn;
- e) Dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối, tổng hợp báo cáo tình hình triển khai xây dựng và kinh doanh các dự án bất động sản.

2. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài nguyên và Môi trường; Cục Thuế tỉnh; Ban quản lý Khu Kinh tế Vân Phong; Ban quản lý Khu du lịch bán đảo Cam Ranh; Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại; UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) là cơ quan phối hợp cung cấp thông tin, số liệu các dự án bất động sản cho Sở Xây dựng.

3. Chủ đầu tư các dự án bất động sản (kể cả Ban quản lý Khu Kinh tế Vân Phong, Ban quản lý Khu du lịch bán đảo Cam Ranh, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại, UBND cấp huyện) là đơn vị báo cáo tình hình triển khai xây dựng và kinh doanh của dự án bất động sản do mình làm chủ đầu tư.

4. Các cơ quan, cá nhân, tổ chức có liên quan đến việc triển khai xây dựng và kinh doanh dự án bất động sản (Sở Tài chính, Sở Công thương, các đơn vị tư vấn xây dựng, các đơn vị kinh doanh môi giới, dịch vụ bất động sản...) có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin, số liệu cho Sở Xây dựng.

Điều 3. Nguyên tắc, cách thức báo cáo, phối hợp cung cấp và kiểm tra thông tin, số liệu

1. Lãnh đạo cao nhất của cơ quan hoặc người đại diện theo pháp luật của đơn vị có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin, số liệu về dự án bất động sản (sau đây gọi tắt là người đại diện theo pháp luật) và chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung, thông tin, số liệu do cơ quan mình cung cấp.

2. Người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm cử người báo cáo, cung cấp thông tin số liệu cho Sở Xây dựng (sau đây gọi tắt là người báo cáo). Cụ thể:

a) Họ tên, chức vụ, số điện thoại, hộp thư điện tử (email) của người báo cáo định kỳ phải được đăng ký với Sở Xây dựng bằng văn bản;

b) Trong trường hợp báo cáo đột xuất mà người báo cáo không phải là người báo cáo định kỳ thì họ tên, chức vụ, số điện thoại, hộp thư điện tử (email) của người báo cáo đột xuất phải được ghi rõ trong văn bản báo cáo của cơ quan, đơn vị đó;

c) Người báo cáo phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung báo cáo, thông tin, số liệu đã cung cấp;

b) Người báo cáo phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa văn bản báo cáo, cung cấp thông tin và văn bản gửi đến hộp thư điện tử theo yêu cầu của Sở Xây dựng tại Khoản 3 Điều này.

3. Việc báo cáo, cung cấp thông tin số liệu về dự án bất động sản phải được lập thành văn bản và gửi đến hộp thư điện tử theo yêu cầu của Sở Xây dựng để tổng hợp. Trường hợp điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo, thông tin, số liệu phải thông báo và gửi thư điện tử cho Sở Xây dựng trong vòng 24 giờ (kể từ khi có thay đổi, điều chỉnh) trước khi gửi văn bản điều chỉnh chính thức.

4. Người cung cấp thông tin, số liệu của các cơ quan quy định tại Khoản 2 Điều 2 phải là người am hiểu về chuyên môn. Cơ quan cung cấp thông tin, số liệu có trách nhiệm tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức tổng hợp, thu thập thông tin, số liệu liên quan đến các dự án bất động sản để thực hiện trách nhiệm của người báo cáo.

Chương II CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, PHỐI HỢP CUNG CẤP VÀ KIỂM TRA THÔNG TIN, SỐ LIỆU

Điều 4. Chế độ báo cáo, phối hợp cung cấp thông tin, số liệu

1. Đơn vị báo cáo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Quy chế này lập báo cáo tình hình triển khai xây dựng và kinh doanh của dự án bất động sản do mình làm chủ đầu tư và thực hiện chế độ báo cáo theo Điều 4 Thông tư số 11/2013/TT-BXD.

2. Cơ quan phối hợp cung cấp thông tin, số liệu về các dự án bất động sản quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quy định này gửi văn bản về Sở Xây dựng:

a) Văn bản cung cấp thông tin, số liệu về các dự án bất động sản lần đầu gửi về Sở Xây dựng trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

b) Văn bản phối hợp cung cấp thông tin định kỳ hàng quý (trước ngày 10 của tháng cuối quý);

c) Văn bản phối hợp cung cấp thông tin định kỳ hàng năm (trước ngày 10 tháng 12).

3. Nội dung của văn bản phối hợp cung cấp thông tin định kỳ; thời hạn cung cấp thông tin định kỳ quy định tại Khoản 2 Điều này thực hiện theo Điều 6 Quy chế này.

4. Cơ quan, đơn vị quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu đột xuất của Sở Xây dựng, UBND tỉnh, Bộ Xây dựng gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp. Trường hợp không ghi thời hạn báo cáo thì phải gửi báo cáo trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Nội dung báo cáo, phối hợp cung cấp thông tin, số liệu tại Khoản này thực hiện theo yêu cầu của Sở Xây dựng, UBND tỉnh, Bộ Xây dựng. Trường hợp văn bản yêu cầu không nêu nội dung cần báo cáo, cung cấp thông tin, số liệu thì báo cáo theo nội dung văn bản cáo cáo, phối hợp cung cấp thông tin định kỳ quy định tại Khoản 3 Điều này và lấy thông tin số liệu cập nhật tại thời điểm lập báo cáo.

5. Các cơ quan, cá nhân, tổ chức có liên quan đến việc triển khai xây dựng và kinh doanh của dự án bất động sản quy định tại Khoản 4 Điều 2 Quy chế này có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin, số liệu theo yêu cầu đột xuất của Sở Xây dựng, UBND tỉnh, Bộ Xây dựng gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp. Trường hợp không ghi thời hạn báo cáo thì phải gửi báo cáo trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Nội dung báo cáo, phối hợp cung cấp thông tin, số liệu tại Khoản này thực hiện theo yêu cầu của Sở Xây dựng, UBND tỉnh, Bộ Xây dựng.

6. Trường hợp không có thông tin theo yêu cầu báo cáo của Sở Xây dựng, UBND tỉnh, Bộ Xây dựng phải điện thoại báo cáo ngay (trong vòng 24 giờ) cho Sở Xây dựng biết, đồng thời trong báo cáo cũng nêu rõ không có thông tin và chỉ dẫn liên hệ với cơ quan, đơn vị có thông tin, số liệu (nếu có).

Điều 5. Chế độ phối hợp kiểm tra thông tin, số liệu (hậu kiểm)

1. Sau khi nhận được báo cáo của các chủ đầu tư dự án bất động sản, của các cơ quan liên quan theo Quy chế này, Sở Xây dựng lập dự thảo báo cáo tổng hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 11/2013/TT-BXD gửi đến các cơ quan quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quy chế này.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo tổng hợp của Sở Xây dựng, các cơ quan quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quy chế này căn cứ vào trách nhiệm tại Điều 6 Quy chế này kiểm tra, đối chiếu với thông tin của cơ quan, đơn vị mình và có ý kiến thống nhất hoặc yêu cầu điều chỉnh, xác nhận lại đối với nội dung của báo cáo tổng hợp.

3. Sau khi nhận được báo cáo phản hồi theo Khoản 2 Điều này, Sở Xây dựng có trách nhiệm làm việc với chủ đầu tư hoặc các cơ quan, tổ chức liên quan làm rõ về thông tin, số liệu chưa thống nhất để đưa vào báo cáo định kỳ lần sau gửi Bộ Xây dựng, UBND tỉnh hoặc đính chính ngay (nếu cần thiết).

Điều 6. Trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Sở Xây dựng:

a) Trên cơ sở các thông tin, số liệu do các cơ quan, sở, ngành, chủ đầu tư cung cấp, lập báo cáo tổng hợp về dự án bất động sản trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Xây dựng, UBND tỉnh theo Điều 3 Thông tư số 11/2013/TT-BXD.

b) Làm việc với chủ đầu tư các dự án bất động sản, các sở, ngành, UBND cấp huyện liên quan để làm rõ những nội dung, số liệu do chủ đầu tư báo cáo không phù hợp với số liệu do các sở, ngành, UBND cấp huyện cung cấp.

c) Đôn đốc chủ đầu tư các dự án bất động sản, các sở, ngành liên quan nghiêm túc thực hiện chế độ báo cáo, phối hợp cung cấp thông tin số liệu theo Quy chế này.

d) Xử lý vi phạm của chủ đầu tư các dự án bất động sản không báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời hạn, nội dung không đầy đủ, chính xác theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 11/2013/TT-BXD.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Cung cấp danh sách, thông tin về các dự án bất động sản trên địa bàn tỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư đã cấp giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư hoặc tham mưu cho cấp có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận (tên dự án, chủ đầu tư, điện thoại liên lạc với chủ đầu tư, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, quy mô sử dụng đất, quy mô xây dựng; địa điểm dự án, tiến độ giải phóng mặt bằng, tiến độ dự án, thời gian chuyển giao công trình, thời gian công trình hoàn thành...) và thông tin về tiến độ thực hiện giải phóng mặt bằng, tiến độ xây dựng của dự án (nếu có) theo Phụ lục 1 của Quy chế này.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin liên quan đến giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư và tiến độ dự án tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo Khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

c) Cung cấp cho Sở Xây dựng bản sao giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, văn bản cho phép đầu tư của các dự án bất động sản do cơ quan có thẩm quyền cấp sau ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Cung cấp danh sách, thông tin về các dự án bất động sản trên địa bàn tỉnh đã được ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tên tổ chức, cá nhân sử dụng đất; cơ cấu sử dụng đất theo quy hoạch: tổng diện tích đất, trong đó: diện tích đất xây dựng nhà ở thương mại, diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội, diện tích đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật, diện tích đất khác...) và thông tin về tiến độ thực hiện giải phóng mặt bằng (nếu có) theo Phụ lục 2 của Quy chế này.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin liên quan đến quyết định giao đất, cho thuê đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và việc sử dụng đất tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo Khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

c) Cung cấp cho Sở Xây dựng bản sao quyết định giao đất, cho thuê đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của dự án bất động sản do cơ quan có thẩm quyền cấp sau ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

4. Cục Thuế tỉnh:

a) Cung cấp thông tin theo Phụ lục số 5 (b) ban hành kèm theo Thông tư số 11/2013/TT-BXD;

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với báo cáo của chủ đầu tư dự án bất động sản.

5. Ban quản lý Khu Kinh tế Vân Phong, Ban quản lý Khu du lịch bán đảo Cam Ranh, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại:

a) Thực hiện chế độ báo cáo các dự án bất động sản do cơ quan, đơn vị mình làm chủ đầu tư theo Khoản 1, 4 và 6 Điều 4 Quy chế này.

b) Cung cấp danh sách, thông tin về các dự án bất động sản trên địa bàn quản lý (khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch) đã được cấp giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư hoặc được cơ quan tham mưu cho cấp có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư; đã được Ban quản lý có văn bản đầu tư, quyết định phê duyệt dự án hoặc tham mưu cho cấp có thẩm quyền có văn bản chấp thuận đầu tư, quyết định phê duyệt dự án (tên dự án, chủ đầu tư, diện thoại liên lạc với chủ đầu tư, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, quy mô sử dụng đất, quy mô xây dựng, địa điểm dự án, tiến độ giải phóng mặt bằng, tiến độ dự án, thời gian chuyển giao công trình, thời gian công trình hoàn thành...) và thông tin về tiến độ triển khai dự án, tiến độ thực hiện giải phóng mặt bằng, tiến độ xây dựng của dự án (theo Phụ lục 1 của Quy chế này).

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin liên quan đến giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư và tiến độ dự án tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản trên địa bàn quản lý theo Khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

c) Cung cấp cho Sở Xây dựng bản sao giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, văn bản cho phép đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư của các dự án bất động sản trên địa bàn quản lý do cơ quan có thẩm quyền cấp sau ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

6. UBND cấp huyện:

a) Thực hiện chế độ báo cáo các dự án bất động sản do cơ quan, đơn vị mình làm chủ đầu tư theo Khoản 1, 4 và 5 Điều 4 Quy chế này.

b) Cung cấp danh sách, thông tin về các dự án bất động sản trên địa bàn quản lý đã được UBND cấp huyện có văn bản đầu tư, quyết định phê duyệt dự án hoặc tham mưu cho cấp có thẩm quyền có văn bản chấp thuận đầu tư, quyết định phê duyệt dự án (tên dự án, chủ đầu tư, diện thoại liên lạc với chủ đầu tư, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, quy mô sử dụng đất, quy mô xây dựng, địa điểm dự án, tiến độ giải phóng mặt bằng, tiến độ dự án, thời gian chuyển giao công trình, thời gian công trình hoàn thành...) và thông tin về tiến độ thực hiện giải phóng mặt bằng, tiến độ xây dựng của dự án (theo Phụ lục 1 của Quy chế này).

c) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin liên quan đến văn bản chấp thuận đầu tư, quyết định phê duyệt dự án và tiến độ triển khai dự án, tiến

độ thực hiện giải phóng mặt bằng, tiến độ xây dựng của dự án tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo Khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

d) Cung cấp cho Sở Xây dựng bản sao văn bản cho phép đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư của các dự án bất động sản do cơ quan có thẩm quyền cấp sau ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

7. Sở Tài chính, Sở Công thương:

a) Cung cấp thông tin liên quan đến dự án bất động sản theo yêu cầu của Sở Xây dựng, UBND tỉnh, Bộ Xây dựng theo quy định tại Khoản 5 và 6 Điều 4 Quy chế này.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin của dự án bất động sản do chủ đầu tư báo cáo liên quan đến Sở, ngành mình quản lý.

8. Cá nhân, tổ chức liên quan đến việc triển khai xây dựng và kinh doanh của dự án bất động sản (đơn vị tư vấn xây dựng, sàn giao dịch bất động sản, đơn vị kinh doanh dịch vụ bất động sản...) có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến dự án bất động sản theo yêu cầu của Sở Xây dựng, UBND tỉnh, Bộ Xây dựng theo quy định tại Khoản 5 và 6 Điều 4 Quy chế này.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của Giám đốc Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện, Giám đốc Ban Quản lý Khu Kinh tế Vân Phong, Giám đốc Ban quản lý Khu du lịch Bán đảo Cam Ranh, Giám đốc Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại

1. Bố trí đủ cán bộ, công chức làm công tác theo dõi, tổng hợp báo cáo, cung cấp thông tin, kiểm tra thông tin về tình hình triển khai và kinh doanh của các dự án bất động sản theo Quy chế này.

2. Tổ chức việc phối hợp cung cấp, kiểm tra thông tin, số liệu về tình hình triển khai và kinh doanh của các dự án bất động sản giữa các phòng, đơn vị trực thuộc của cơ quan mình để bảo đảm thông tin đầy đủ, kịp thời đến người có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng theo Quy chế này.

3. Triển khai chế độ báo cáo, phối hợp cung cấp, kiểm tra thông tin, số liệu về tình hình triển khai và kinh doanh của các dự án bất động sản của cơ quan mình theo Quy chế này.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai Quy chế này.

2. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan xử lý vi phạm của chủ đầu tư dự án bất động sản đối với việc không báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời

hạn, nội dung không chính xác, đầy đủ theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 11/2013/TT-BXD.

3. Báo cáo, đánh giá và trình UBND tỉnh xem xét xử lý, khen thưởng, kỷ luật đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Quy chế này.

Nếu có vướng mắc trong quá trình thực hiện, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Vinh

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Quy chế về chế độ báo cáo, phối hợp cung cấp và kiểm tra thông tin, số liệu của các dự án bất động sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa)

SỞ (UBND, BAN).....

Thông tin, số liệu các dự án phát triển đô thị, phát triển nhà ở

| TT | Tên dự án Địa điểm dự án | Chủ đầu tư Tên người đại diện đề liên hệ Địa chỉ; điện thoại | Thông tin đăng ký của dự án | | | | | Tiến độ thực hiện | |
|-------------------|---|---|-----------------------------|-----------------------------------|-----------------------|--|--|---|---|
| | | | Tổng mức đầu tư | | Diện tích đất (ha) | Quy mô xây (m2 sàn; căn hộ; lô đất) | Tiến độ thực hiện Từ ngày.... đến ngày | Giải phóng mặt bằng (ha) | Tiến độ xây dựng (m2 sàn; căn hộ; lô đất) |
| | | | (tỷ đồng) | Trong đó vốn nước ngoài (tỷ đồng) | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 1 | Chung cư A số ... đường..., phường... thành phố | Công ty ... Địa chỉ:..... Nguyễn Văn B 0913.....; 0583..... | 100 | 50 | 2 | 12.000 m2; 300 căn; 04 lô | Khởi công 20/01/2014 hoàn thành | 1 | Đang xây dựng hạ tầng kỹ thuật |
| 2 | | | | | ... | 10000 m2; 250 căn; 40 lô | Khởi công hoàn thành 20/01/2014 | Đã hoàn thành | 250 căn; 40 lô |
| 3 | | | | | ... | ... | ... | Đất sạch (không phải giải phóng mặt bằng) | Đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư (hoặc không thực hiện) |
| Tổng cộng: | | | | | | | | | |

Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Quy chế về chế độ báo cáo, phối hợp cung cấp và kiểm tra thông tin, số liệu của các dự án bất động sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa)

SỞ

Thông tin, số liệu các dự án phát triển đô thị, phát triển nhà ở

ha

| TT | Tên dự án Địa điểm dự án | Chủ đầu tư Tên người đại diện để liên hệ Địa chỉ; điện thoại | Tổng diện tích đất | Trong đó | | | | Tiến độ giải phóng mặt bằng |
|-------------------|--|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------------------|----------------|--|
| | | | | DT đất XD nhà ở TM | DT đất XD nhà ở XH | DT đất XD hạ tầng KT | DT đất khác | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 1 | Chung cư A số ... đường..., phường... thành phố | Công ty ... Địa chỉ:..... Nguyễn Văn B 0913.....; 0583..... | 10 | 6 | 2 | 2 | 0 | 6 |
| 2 | | | | | | | | Đã hoàn thành |
| 3 | | | | ... | ... | | ... | Đất sạch (không phải giải phóng mặt bằng) |
| Tổng cộng: | | | | | | | | |